

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 117/2022/DS-ST
Ngày: 23/9/2022
“*V/v tranh chấp dân sự – Hợp
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Tâm;

Ông Phan Quốc Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2022/QĐXXST-DS, ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Minh P, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã S, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954 (Vắng mặt);

2.2. Đoàn Thanh H, sinh năm: 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã S, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp;

Địa chỉ hiện nay: Chợ P, Ấp B, xã P, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh P trình bày:**

Ngày 23/02/2020, bà Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thanh H có vay của anh

Nguyễn Minh P số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 23/02/2020 đến ngày 23/5/2020 sẽ trả lại.

Đến ngày 30/3/2020, anh P có cho anh H vay tiếp số tiền 38.540.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 30/3/2020 đến ngày 30/4/2020 sẽ trả.

Tuy nhiên, đã hết thời hạn vay nhưng bà L, anh H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc.

Trước đây tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Minh P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và anh Đoàn Thanh H có trách nhiệm lại trả cho anh P tổng số tiền vay là 78.540.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 6/2020 đến 4/2022 với lãi suất 0,83%/tháng ($78.540.000đ \times 22 \text{ tháng} \times 0,83\% = 14.341.000$ đồng). Tổng vốn và lãi là 92.881.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh P xác định bà L, anh H đã trả được cho anh P số tiền 8.500.000 đồng đối với khoản tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 23/02/2020. Do đó, anh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh P yêu cầu anh H, bà L trả cho anh P số tiền 31.500.000 đồng và yêu cầu anh H trả số tiền vay 38.540.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đoàn Thanh H trình bày:

Anh H thừa nhận ngày 23/02/2020 anh H và bà L có vay của anh Nguyễn Minh P số tiền 40.000.000 đồng, có làm biên nhận cùng ngày hẹn đến ngày 23/5/2020 sẽ trả lại. Sau đó, anh H đã trả cho anh P được 8.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 31.500.000 đồng đến nay chưa trả.

Ngoài ra, anh H thừa nhận ngày 30/3/2020 anh H có vay thêm của anh P số tiền là 38.540.000 đồng, đến nay chưa thanh toán.

Nay anh Đoàn Thanh H đồng ý trả cho anh Nguyễn Minh P số tiền còn nợ tổng cộng là 70.040.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị L trình bày: Không có.

Các tài liệu chứng cứ có trong H sơ vụ án:

1. Giấy nợ tiền viết tay (bản chính);
2. 02 Giấy mượn tiền, đề ngày 23/2/2020 và ngày 30/3/2020 (bản chính);
3. Tờ sở hữu đất (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong H sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là bà Nguyễn Thị L, anh Đoàn Thanh H có nơi cư trú tại xã B, huyện Cao Lãnh,

Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp L đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào năm 2020 tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp L Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị L vẫn không có mặt cũng như không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và diễn biến tại phiên tòa để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Minh P yêu cầu bị đơn anh Đoàn Thanh H và bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho anh P số tiền 31.500.000 đồng theo biên nhận ngày 23/02/2020 và yêu cầu anh Đoàn Thanh H trả cho anh P số tiền 38.540.000 đồng theo biên nhận ngày 30/3/2020.

[5.1] Căn cứ vào biên nhận ngày 23/02/2020 có dấu vân tay của bà Nguyễn Thị L, anh Đoàn Thanh H và biên nhận ngày 30/3/2020 cùng với sự thừa nhận có vay tiền của anh Đoàn Thanh H có cơ sở xác định giữa anh P và anh H, bà L có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[5.2] Đối với biên nhận ngày 30/3/2020: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh P yêu cầu anh Đoàn Thanh H trả cho anh P số tiền còn nợ là 38.500.000 đồng thì anh H đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận giữa anh P và anh H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật. Căn cứ Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự cần công nhận sự thỏa thuận này.

[5.3] Đối với biên nhận ngày 23/02/2020: Anh H thừa nhận anh và bà L có vay của anh P số tiền 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23/02/2020 do anh P cung cấp cho Tòa án là đúng. Tuy nhiên sau khi vay tiền anh H và bà L đã trả cho anh P số tiền 8.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 31.500.000 đồng, việc này được

anh P thừa nhận. Nay anh P yêu cầu anh H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P số tiền còn nợ là 31.500.000 đồng thì anh H đồng ý. Xét thấy, anh H và bà L còn nợ anh P số tiền 31.500.000 đồng theo biên nhận ngày 23/02/2020 là có thật và yêu cầu của anh P là có cơ sở nên chấp nhận.

[5.4] Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh P trình bày khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi nhận vào biên nhận vay tiền. Nay anh P chỉ yêu cầu bà L, anh H trả lại cho anh P số tiền vốn vay còn nợ, không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Minh P và anh Đoàn Thanh H. Anh H đồng ý trả cho anh P số tiền còn nợ là 38.540.000 đồng.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự yêu cầu của anh P là có căn cứ. Buộc anh H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh P số tiền còn nợ là 31.500.000 đồng.

[6] Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án thì anh P và bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 246 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh P đối với anh Đoàn Thanh H và bà Nguyễn Thị L.

1.1. Buộc anh Đoàn Thanh H và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Minh P số tiền 31.500.000 đồng (Ba mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

1.2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Minh P và anh Đoàn Thanh H như sau: Anh Đoàn Thanh H đồng ý trả cho anh Nguyễn Minh P số tiền

vốn vay còn nợ là 38.540.000 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Đoàn Thanh H và bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.575.000đ.

+ Anh Đoàn Thanh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.927.000đ.

Anh Nguyễn Minh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại cho anh Nguyễn Minh P số tiền 2.322.000 đồng (Hai triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 0009447, ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp L theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Chi cục THA HCL;
- Các đương sự;
- Lưu H sơ vụ án.

Lê Chí Tâm